

Số: 02/2023/NQ-HĐND

Bắc Ninh, ngày 12 tháng 4 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**V/v Quy định mức học phí và hỗ trợ kinh phí đóng học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2022 - 2023 đến năm học 2025 - 2026 thuộc tỉnh Bắc Ninh quản lý**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH  
KHOÁ XIX, KỲ HỌP THỨ 11**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;*

*Căn cứ Kết luận số 676-KL/TU ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc ban hành Quy định mức học phí và hỗ trợ kinh phí đóng học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2022-2023 đến năm học 2025-2026;*

*Xét Tờ trình số 101/TTr-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định mức thu học phí và hỗ trợ kinh phí đóng học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2022-2023 đến năm học 2025-2026 thuộc tỉnh Bắc Ninh quản lý; báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu.*



## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này Quy định mức học phí và hỗ trợ kinh phí đóng học phí từ năm học 2022 - 2023 đến năm học 2025 - 2026 đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục phổ thông (gọi chung là các cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông) thuộc tỉnh Bắc Ninh quản lý.

#### 2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông; trẻ em học mầm non, học sinh tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông; học viên hệ giáo dục thường xuyên tại các Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thuộc tỉnh Bắc Ninh quản lý.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

### **Điều 2. Học phí đối với giáo dục mầm non, phổ thông**

#### 1. Mức học phí và hỗ trợ kinh phí đóng học phí năm học 2022 - 2023

- Mức học phí năm học 2022 - 2023 giữ ổn định bằng mức học phí năm học 2021 - 2022;

- Ngân sách tỉnh tiếp tục hỗ trợ kinh phí đóng học phí học kỳ II (5 tháng) theo Nghị quyết số 185/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ kinh phí đóng học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh năm học 2022 - 2023.

#### 2. Mức học phí và hỗ trợ kinh phí chênh lệch học phí từ năm học 2023 - 2024 đến năm học 2025 - 2026

a) Quy định Mức học phí cụ thể như sau:

- Mức học phí được tính bằng mức sàn theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ và mức học phí này được giữ ổn định 3 năm từ năm học 2023 - 2024 đến năm học 2025 - 2026; trường hợp có biến động về chính sách kinh tế - xã hội (dịch bệnh, thiên tai...), giao Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh mức học phí hoặc mức kinh phí hỗ trợ chênh lệch cho phù hợp.

- Mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên.



Đơn vị: 1000 đồng/học sinh/tháng

Cấp học	Mức học phí năm học 2023 - 2024 đến năm học 2025 - 2026 (thu 9 tháng/học sinh /năm học)		Ghi chú
	Thành thị (gồm các phường, thị trấn)	Nông thôn (gồm các xã)	
1. Mầm non (gồm: nhà trẻ, mẫu giáo)	300	100	Trẻ em mầm non 05 tuổi được miễn học phí từ năm học 2024 - 2025 theo quy định tại khoản 6 Điều 15 của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.
2. Tiểu học	300	100	Mức thu học phí Tiểu học quy định tại Nghị quyết này làm căn cứ để thực hiện các chính sách hỗ trợ cho học sinh tiểu học tư thục (ngoài công lập) theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP); học sinh tiểu học trường công lập không phải đóng học phí theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP
3. Trung học cơ sở	300	100	Học sinh THCS được miễn học phí từ năm học 2025 - 2026 theo quy định tại khoản 9 Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP
4. Trung học phổ thông, GDNN-GDTX	300	200	

- Mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Tối đa bằng 2,0 lần mức học phí tại Điểm a khoản này;

- Mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Tối đa bằng 2,5 lần mức học phí tại Điểm a khoản này;

- Trong trường hợp cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư đạt mức kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục theo tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định thì được tự xác định mức thu học phí trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ sở giáo dục ban hành; Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt mức học phí.

b) Hỗ trợ kinh phí chênh lệch mức học phí từ năm học 2023 - 2024 đến năm học 2025 - 2026

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí chênh lệch mức học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông công lập do tăng so với năm học 2021 - 2022.



- Cách xác định mức kinh phí hỗ trợ chênh lệch: Được xác định bằng mức học phí mới ban hành so với mức học phí quy định tại Nghị quyết số 212/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Các cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông tại thời điểm đóng học phí thuộc khu vực xã, phường hoặc thị trấn thì áp dụng mức học phí mới và mức học phí cũ theo khu vực đó để xác định mức chênh lệch (mức học phí cũ: khu vực 1 là khu vực thuộc phường; khu vực 2 là khu vực thuộc thị trấn; khu vực 3 là khu vực thuộc xã) để xác định chênh lệch.

### 3. Trường hợp học trực tuyến (học online)

Mức học phí được tính bằng 75% mức học phí của các cơ sở giáo dục công lập đã được ban hành (gồm cả cơ sở giáo dục công lập đã tự bảo đảm chi thường xuyên; bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư). Mức học phí được làm tròn đến đơn vị nghìn đồng (trong trường hợp mức học phí trực tuyến của cấp học có số tiền tuyệt đối lẻ đến tiền đồng); Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hình thức học trực tuyến.

4. Đối với cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông được áp dụng mức học phí tương đương với mức học phí của cơ sở giáo dục phổ thông công lập cùng cấp trên địa bàn.

5. Quy định thời gian thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trong trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng, việc xác định thời gian thu học phí được tính như sau:

a) Trường hợp thời gian dạy học thực tế trong tháng dưới 14 ngày (bao gồm cả số ngày nghỉ theo quy định của pháp luật) thì thực hiện thu học phí 1/2 tháng (tương ứng với mức học phí của từng vùng, từng cấp học và hình thức học thực tế);

b) Trường hợp thời gian dạy học thực tế trong tháng từ 14 ngày trở lên (bao gồm cả số ngày nghỉ theo quy định của pháp luật) thì thực hiện thu đủ tháng (tương ứng với mức học phí của từng vùng, từng cấp học và hình thức học thực tế).

6. Đối tượng miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ đóng học phí, phương thức chi trả: Thực hiện theo quy định tại Chương IV của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết. Hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

#### **Điều 4. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh khóa XIX, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 12 tháng 4 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2023.

Nghị quyết số 212/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập, giáo dục nghề nghiệp từ năm học 2015 - 2016 trên địa bàn tỉnh, hết hiệu lực kể từ khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành./

#### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh; Chính phủ (b/c);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (b/c);
- Cục kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp (b/c);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban HĐND; các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Đảng ủy Khối CCQ&DN tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo; Đài PTTH; Cổng TTĐT tỉnh, Báo BN, TTXVN tại BN;
- VP: CVP, phòng CT.HĐND, lưu VT.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Quốc Chung**